VẤN ĐỀ BIÊN GIỚI - LÃNH THỔ GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA TẠI TRUNG KỲ VÀO NỬA SAU THẾ KỶ XIX

LÊ TRUNG DŨNG*

Biên giới Việt Nam Campuchia đoạn tại Trung Kỳ là đoạn biên giới đi từ ngã ba biên giới Lào - Campuchia - Việt Nam, thuộc địa phận các tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk và Đắk Nông ngày nay. Nét đặc thù của vùng biên giới này là nhiều núi cao, rừng già che phủ và dân cư thưa thớt.

Khu vực này vốn là địa bàn cư trú của nhiều bộ lạc thuộc các sắc tộc khác nhau, đôi khi liên kết lại trong các liên minh bộ lạc độc lập, mà sử cũ của ta thường gọi là *"nước"* và *"chưa bao giờ kết hợp lại thành quốc gia"* (1). Từ sau năm 1471, sau khi đánh thắng Chiêm Thành, vua Lê Thánh Tông chia đất nước này thành 3 quốc gia: Chiêm Thành, Hoa Anh, Nam Bàn và áp dụng chính sách chư hầu đối với họ (2). Hai nước Hoa Anh và Nam Bàn tương ứng hầu như hoàn toàn với toàn bộ vùng cao nguyên các tỉnh Nam Trung Bộ ngày nay, bao gồm: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận, trải dài tới tận Boloven (Lào) ở phía Tây (3). Tuy nhiên, quyền tôn chủ của Đại Việt áp đặt ở đây chỉ là về lý thuyết. Trên thực tế, các bộ lạc, cư dân bản địa ở đây vẫn chưa có liên hệ hành chính với chính quyền của Đại Việt. Cho tới năm 1819, Lê Văn Duyệt, theo lệnh Gia Long, vẫn phải đắp Tĩnh Man Trường Lũy, nay thường gọi là Trường lũy Quảng Ngãi, nối từ huyện Hà Đông (Quảng Nam tới huyện Bồng Sơn (Bình Định) để phân định lãnh thổ Nhà Nguyễn với lãnh thổ của các dân tộc Tây Nguyên.

Trong số các sắc tộc vùng Tây Nguyên, sử cũ Việt Nam thường nhắc tới hai "nước" Thủy Xá và Hỏa Xá, là hai thuộc quốc của Đại Việt, nằm ở khu vực tỉnh Gia Lai và Đắk Lắk, Đắk Nông ngày nay.

Sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn, viết vào năm 1776, cho biết:

"Hai vị Thủy Vương và Hỏa Vương nước Nam Bàn, nước này có 50 làng lệ thuộc, trong đó có núi Bà Nam. Núi rất cao và lớn, làm trấn sơn cho một phương.

Thủy Vương ở về phía đông núi Bà Nam, còn Hỏa Vương ở về phía tây núi, có địa phận riêng và làm nhà gác bằng gỗ để ở, bộ hạ có đến mấy trăm người" (4).

---

*PGS.TS. Viện Sử học

Lê Quý Đôn còn chỉ rõ vị trí của Thủy Xá và Hỏa Xá:

"Từ nguồn An Lạc đi lên các thôn Hà Nghiêu, Đất Cày, qua đèo La Hai giáp đất phủ Phú Yên, đến các xứ Sông Lôi, Nước Nóng, Thượng Nhà đến nguồn Hà Lôi là chỗ các Sách người Đê, người Man ở (tục gọi Đê là người Chàm, Man là người Mọi) cộng 3 ngày, lại từ đây cho người Man tiền bảo họ dẫn theo đường núi mà đi hết 14 ngày thì đến nơi hai vua Thủy Xá và Hỏa Xá nước Nam Bàn. Thủy Vương ở phía Đông núi, Hỏa Vương ở phía Tây núi" (5).

Đại Nam nhất thống chí chỉ rõ hơn: *"Từ huyện lỵ (Đồng Xuân - Phú Yên) đi về phía Tây 20 dặm đến xã Phước Đức, lại đi 2 dặm đến thôn Phú Thành, lại đi 1 dặm đến thôn Cự Phú, lại đi thêm 5 dặm đến thôn Vân Hòa, từ đây đi về phía Tây suốt đến địa giới nước Thủy Xá, Hỏa Xá. Hai bên đường có nhiều trại sách người Man, núi khe hiểm trở, lại có nhiều cọp"* (6).

Đại Việt địa dư toàn biên của Nguyễn Văn Siêu cũng cho biết về vị trí hai nước Thủy Xá, Hỏa Xá: *"Thủy Xá, Hỏa Xá ở ngoài cõi Nam Bàn nước Chiêm Thành cũ. Bây giờ trong Thượng đạo tỉnh Phú An có núi Bà Nam rất cao. Thủy Xá ở phía đông núi ấy, phía đông giáp đồn Phúc Sơn, tỉnh Phú An, phía nam thì là mán quen thuộc ở Thạch Thành (trong Thạch Thành có tượng đá gọi là Hồ Vương thành vuông ước 4 mẫu), phía bắc thì mán lạ ở tỉnh Chiêm (Bình Định). Hỏa Xá ở phía tây núi ấy, phía tây tiếp giáp với Sơn Bốc sở nam nước Chân Lạp, phía nam thì là lạc man, phía trên là sông Đại Giang, phía dưới là sông Ba Giang làm giới hạn bờ cõi 2 nước ấy"* (7).

Về vị trí của Hỏa Xá, *Đại Nam Thực lục* chép năm 1829 viết: *"Giới hạn Hỏa Xá: đông giáp thuộc man Phú Yên, tây giáp nước Lào, nam giáp thuộc man Bình Hòa, bắc giáp thuộc man Bình Định"* (8).

Đại Nam Thực lục còn xác định vị trí của Hỏa Xá và Thủy Xá so với Trấn Tây Thành (Campuchia thời Minh Mạng). Theo đó, nếu xuất phát từ huyện Sơn Bốc (9) *"hướng về phía đông tìm đường mà đi, qua 15 ngày mới đến chỗ ở của Quốc trưởng Thuỷ Xá. Đất nước ấy đông giáp nước Hoả Xá, tây giáp huyện Sơn Bốc, nam giáp man Diên Điên, bắc giáp Lai Man... Nước Hoả Xá chỗ Quốc trưởng ở cách nước Thuỷ Xá 3 ngày đường"* (10).

Ngay sau đó, *Đại Nam Thực lục* chỉ ra một hành trình khác: *"... hành trình từ huyện Sơn Bốc đến chỗ Quốc trưởng [Thủy Xá] ở, ước độ 6 ngày, cách chỗ ở của Quốc trưởng Hoả Xá độ 2 ngày đường. Đất nước ấy, đông giáp nước Hoả Xá, tây giáp man Phủ Nộn, tiếp giáp với các huyện Sơn Phủ, Sơn Bốc, Quế Lâm; nam bắc tiếp giáp các bộ lạc người man không biết đến tận đâu. Xứ ấy dẫu nhiều núi khe cũng chỉ thấp bé không có hình thế danh sơn đại xuyên"* (11).

Trong bài viết *"Hồi ức về tờ Dụ thành lập một ngôi chùa, hay là vấn đề về Hỏa Vương và Thủy Vương"*, Leclère Adhémar, Khâm sứ Pháp ở Campuchia vào năm 1903, cho biết, Thủy Vương và Hỏa Vương là hai thủ lĩnh của người Jarai, định cư ở phía Bắc cao nguyên giữa sông Srêpok ở phía Tây và Trường Sơn của Việt Nam ở phía Đông. Tọa độ chính xác của khu vực này là giữa các Vĩ tuyến 13-14 và các Kinh tuyến 105 - 106 (12). Chúng tôi đã trực tiếp tra cứu tọa độ này trên bản đồ Đông dương 1886 (Map of Indo-China showing proposed Burma - Siam - China railway (13)) và thấy rằng vùng Vĩ tuyến 13-14 đi qua vùng Đắk Lắk của Việt Nam và Stung Treng của Campuchia, phía Bắc của Sambor. Tuy nhiên, vùng Kinh tuyến 105-

106 trên bản đồ này lại đi quá xa về phía Tây, vượt cả sang bờ Tây sông Mêkong. Điều này không phù hợp với những mô tả khác về vị trí của Thủy Xá và Hỏa Xá. Liệu có phải kỹ thuật vẽ bản đồ vào những năm 80 thế kỷ XIX còn có nhiều sai sót? Mặc dù vậy, kết hợp với mô tả của Besnard, chủ tỉnh Đắk Lắk, theo đó, Thủy Xá và Hỏa Xá nằm giữa sông Ayoun và Sông Ba (14), chúng tôi cho rằng vùng đất Thủy Xá, Hỏa Xá có thể kéo dài từ Đắk Lắk ở phía Đông và ăn sâu hơn nữa vào lãnh thổ Campuchia hiện nay.

Như vậy, các nguồn sử liệu đều thống nhất rằng vùng đất Hỏa Xá và Thủy Xá nằm ở Tây Nguyên, nơi giáp giới với Phú Yên về hướng Đông. Tuy nhiên, vị trí chính xác của từng nước so với nhau thì các ý kiến không thống nhất. Một số người (Lê Quý Đôn, Nguyễn Văn Siêu) cho rằng Thủy Xá ở phía Đông, Hỏa Xá ở phía Tây; *Đại Nam Thực lục* thì cho rằng Hỏa Xá ở phía Đông, Thủy Xá ở phía Tây. Đây cũng là ý kiến của Hoài Dũng trong một bài viết về Thủy Xá, Hỏa Xá công bố trên Tạp chí *Tri Tân*, số 98, năm 1943 (15).

Tóm lại, từ cuối thế kỷ XV, do kết quả của việc Chiêm Thành bị chia cắt, vùng cao nguyên Kontum - Đắk Lắk, nơi cư trú của Hỏa Xá và Thủy Xá, là một vùng độc lập, nhưng có quan hệ thần thuộc với Việt Nam.

Liên quan đến Đắk Lắk và quan hệ của vùng này với Campuchia, năm 1964, học giả và nhà hoạt động chính trị Campuchia Sarin Chhak bảo vệ luận án tiến sỹ luật học tại Paris với đề tài về các đường biên giới của Campuchia. Trong *Phần thứ nhất* của luận án, có tên là *"Biên giới của tỉnh Stung Treng"*, khi phê phán việc Pháp, sau khi lấy lại từ tay Xiêm một vùng rộng lớn của Campuchia thuộc tả ngạn sông Mékong năm 1893, tựa hồ như đã cắt một phần lớn những vùng đất ấy về cho Lào và sau đó cho Việt Nam trong những năm 1893 - 1904, Sarin Chhak cho rằng vùng Đắk Lắk, được trả về Việt Nam, vốn thuộc lãnh thổ Campuchia (16). Để minh họa cho quan điểm này, ông dẫn ra một tấm bản đồ đường biên giới của Campuchia với 5 điểm mà ông ta cho là vốn của Campuchia bị cắt cho các nước láng giềng, trong đó điểm I là khu vực tỉnh Đắk Lắk ngày nay của Việt Nam (*xem bản đồ 1*).

Bản đồ 1: 5 vùng lãnh thổ được Sarin Chhak cho là của Campuchia, bị sáp nhập vào các nước láng giềng
(vùng được đánh dấu I là vùng đất thuộc Đắk Lắk của Việt Nam)

Nguồn. Chann Chhak, *Các đường biên giới của Campuchia với các nước cũ trong Liên bang Đông Dương - Lào và Việt Nam (Nam Kỳ và Trung Kỳ)*

Điều cần lưu ý là, trong khi khẳng định vùng đất này là *"vùng lãnh thổ của Campuchia"* chứ *"không phải của người Annam"* (17), Sarin Chhak không đưa ra bất cứ một luận cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Tài liệu duy nhất được dẫn ra để chứng minh cho nhận định này là tấm *Bản đồ Chính trị Đông Dương* của François Deloncle phát hành vào tháng 10-1889, dựa theo các nguồn: *Bản đồ quân sự, tài liệu chính thức của Việt Nam, Miến Điện, Xiêm cũng như tài liệu của các nhà thám hiểm (Xem bản đồ 2).*

Bản đồ 2: Bản đồ chính trị Đông Dương của François Deloncle - năm 1889

Nguồn: Charan Chhak, - *Các đường biên giới của Campuchia và các nước cũ trong Liên bang Đông Dương - Lào và Việt Nam (Nam Kỳ và Trung Kỳ)*

Chúng tôi không cho rằng *Bản đồ quân sự* có dựa vào những tài liệu chính thức của Việt Nam. Cơ sở cho kết luận này là việc, các tác giả của bản đồ đã vạch ra một khu vực tương đối rộng lớn, được gọi là *Campuchia cũ* (ancien Cambodge), gồm một số vùng lãnh thổ của Campuchia, Lào, Thái Lan và Việt Nam ngày nay, trong đó, biên giới giữa Campuchia (kể cả *Campuchia cũ* vừa nói) với Việt Nam được mô phỏng là một đường vuông góc (xem trên bản đồ) - một điều hoàn toàn không thể có trong thực tiễn quan hệ biên giới - lãnh thổ của đa phần các nước trên thế giới, đặc biệt là ở vùng Đông Nam Á thời kỳ tiền thuộc địa. Đường biên giới vuông góc kiểu này, theo chúng tôi, là đặc trưng cho biên giới được các nước thực dân châu Âu tự vạch ra để phân chia nhau thuộc địa, trước hết là ở châu Phi. Mặt khác, phía đông của ranh giới này được các tác giả chú thích rõ là *Vùng Hòa Xá* (pays de Hoa Xa). Điều này dễ đưa người xem tới quan niệm cho rằng vùng Thủy Xá thuộc lãnh thổ Chân Lạp (Campuchia). Đây hẳn cũng là quan niệm của Sarin Chhak.

Để tìm hiểu thực - hư xung quanh vấn đề này, theo chúng tôi, ta cần đi ngược dòng lịch sử, tìm cách xác định quan hệ giữa Chân Lạp với Lâm Ấp - Chiêm Thành và Thủy Xá, Hỏa Xá cũng như giữa hai "nước" này với Việt Nam.

Như đã biết, nước Lâm Ấp (từ thế kỷ IX là Chiêm Thành) được hình thành từ năm 190 do kết quả của các cuộc nổi dậy của người dân vùng Tượng Lâm (ngày nay là các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định) chống lại ách thống trị Nhà Hán. Trung tâm của Lâm Ấp nằm ở vùng Bình - Trị - Thiên ngày nay. Nguyễn Văn Huy trong bài viết *Tìm hiểu cộng đồng người Chăm tại Việt Nam* cho biết, giữa thế kỷ V, *"Vương quốc Lâm Ấp tiếp tục được nới rộng xuống phía nam đến tận sông Ba (Tuy Hòa), thuộc lãnh thổ Aryaru (Phú Yên) và vùng núi non phía tây lân cận (cao nguyên Kontum, Darlac), và phía tây tới Champassak (Nam Lào), nhiều bộ lạc Thượng sống trên dãy Trường Sơn cũng theo về triều cống"* (18). Po Dharma, một nhà nghiên cứu người Chăm tại Pháp cũng công nhận, vào cuối thế kỷ V, Lâm Ấp bao trùm cả vùng Champassak ở Lào (19). Mặc dù không biết cụ thể về biên giới phía Tây của Lâm Ấp thời kỳ này, tuy nhiên, theo sử liệu Trung Quốc chúng ta được biết rằng vào thế kỷ IV, Chân Lạp nằm ở phía Tây Nam Lâm Ấp. Trên cơ sở nghiên cứu bia đá Vắt Luong Kâu của Chân Lạp, học giả Pháp Georges Coedès khẳng định rằng, vào cuối thế kỷ V, Chân Lạp tấn công xâm lược Lâm Ấp ở khu vực Champassak (Lào ngày nay) (20). Đây có thể là lần đầu tiên Chân Lạp có đường biên giới ở khu vực này. Tuy nhiên, theo Nguyễn Văn Huy, từ đầu thế kỷ VI, Lâm Ấp giành được độc lập và lại trở nên hưng thịnh (21).

Từ nửa cuối thế kỷ IX, Lâm ẤP mang tên Chiêm Thành (Champa). Theo Nguyễn

Văn Huy và D. G. E. Hall, trong 2 thế kỷ XII và XIII, Chiêm Thành ít nhất 2 lần trở thành thuộc địa của Chân Lạp và chỉ giành được độc lập hoàn toàn vào đầu thế kỷ XIV, để phát triển tới đỉnh cao vào thời kỳ trị vì của Chế Bồng Nga (1360 - 1390) (22). Từ thời điểm này, lịch sử không nhắc tới bất cứ cuộc chiến tranh nào thôn tính lãnh thổ lẫn nhau giữa Chân Lạp và Champa. Và lại, cũng từ thế kỷ XV, do vướng vào các cuộc đấu tranh giành quyền lực, Vương quốc Angkor nhanh chóng suy yếu và trở thành nạn nhân của chính sách bành trướng của Ayutthaya (Xiêm sau này), do đó, không còn đủ lực để có thể tấn công, thôn tính các nước láng giềng. Chúng ta cũng đều biết, ngay từ năm 1353, Phà Ngừm, một lãnh tụ Lào đã lập ra nhà nước Lan Xang, thống nhất nước Lào với kinh đô là Xieng Dong Xieng Thong ở muang Sua cũ (23). Đất nước Lan Xang trải dài từ biên giới phía bắc với Trung Quốc tới Sambor phía dưới Stung Treng (thuộc Campuchia ngày nay) ở phía Nam, và từ biên giới với Đại Việt ở phía đông tới cao nguyên Khorat ở phía tây. Điều này cũng là nguyên nhân dẫy lùi biên giới của đế quốc Khmer xuống phía Nam (24).

Điều này cho thấy vùng đất Đắk Lắk ngày nay không thể từng là lãnh thổ Campuchia. Nhận định nêu trên cũng phù hợp với một số bản đồ cư trú của người Khmers do người Pháp dựng theo một số bi ký đã được xác định niên đại, công bố trên Tạp chí BEFEO năm 1916 (25).

Người ta cũng có thể đặt lại vấn đề: vậy thì Hỏa Xá và Thủy Xá là những lãnh thổ thần thuộc của Chân Lạp!.

Về vấn đề này, năm 1903, viên Khâm sứ Pháp tại Campuchia Leclère Adhémar, trong bài viết của mình, đã chứng minh điều hoàn toàn ngược lại. Theo ông, người Campuchia và người Jarai thường cho rằng họ có quan hệ với nhau từ thời xa xưa. Một số người còn cho biết, trước đó khoảng 40 năm, quốc vương Campuchia còn gửi cống vật (tribut) cho Hỏa Vương và Thủy Vương. Đáp lại, quốc vương Campuchia gửi biếu Hỏa Vương và Thủy Vương một ít ngà voi, một chiếc sừng tê giác, và sáp ong. Tìm hiểu hiện tượng này, Adhémar đã phát hiện ra một tờ Dụ (Charte) của vua Campuchia *Saupor* hoặc *Sauriyopor*, được lưu giữ tại một ngôi chùa ở làng Sâmbok nằm bên bờ trái sông Mékong. Tờ Dụ cho biết, từ năm 1601, Sâmbok được coi như Cánh cổng của Campchia, nơi đón nhận thư từ ngoại giao của các nước Lào gửi cho quốc vương Campuchia, cũng như nơi 3 năm một lần chuyển cống vật của Quốc Vương Campuchia cho Hỏa Vương và Thủy Vương (26). Tờ Dụ có một phần mang tên *"Quy định về những vật chuyển cho Hỏa Vương và Thủy Vương"* (loi relative aux objets qu'on conduira au roi du Feu et au roi de l'Eau), trong đó liệt kê một danh sách dài các vật dụng mỗi lần Campuchia phải chuyển cho 2 vị vua này. Ngoài ra, Dụ còn cho biết, trong trường hợp một trong 2 vị vua được cống nạp qua đời, Quốc vương Campuchia phải cử một đoàn mang theo một voi đực và một voi cái sang phục vụ tang lễ (27). Dụ cũng mô tả tỉnh chất rất trang trọng và thành kính của nghi lễ chuyển đồ cống.

Những thông tin về bức Dụ nêu trên hầu như trùng hợp hoàn toàn với nguồn sử liệu Việt Nam. *Đại Nam Thực lục*, chép vào năm Minh Mệnh thứ 21 (1840), viết:

*"Bọn Tướng quân Trương Minh Giảng thành Trấn Tây tâu nói: cứ phủ Sơn Tĩnh báo: có man trưởng nước Thuỷ Xá tên là Tiết đem theo hai người cưỡi hai thớt voi, đến man Phủ Nộn chỗ tiếp giáp huyện Sơn Bốc (*Sơn Bốc - Sâmbok?*), sai người nói với Huyện uý là tên Liệt muốn đến hỏi thăm. Hỏi thì tên Liệt nói: từ trước tên man*

trường kia vẫn quen biết Phiên vương, cứ 3 năm 1 lần đến, Phiên vương lại cho của cải. Bởi vì nó có quỷ thuật, hễ đi đến đâu, người ta thường lấy của cải tiễn nó. Chuyến này nó đến, chẳng qua muốn cầu của cải, không có ý gì khác" (28).

Sự qua lại "hỏi thăm" của vua Thủy Xá tới Chân Lạp vào thời điểm khi Chân Lạp đã chính thức trở thành một Trấn (Trấn Tây) của Đại Nam từ 5 năm trước (1835), dưới ánh sáng của bức Dụ do Leclère Adhémar công bố, chỉ có thể được coi như việc tới nhận cống vật 3 năm một lần, như cả 2 nguồn tài liệu khác nhau đã nhắc tới. Nếu như Sơn Bốc quả đúng là Sâmbok thì thông tin Adhémar cung cấp là hoàn toàn chính xác.

Toàn bộ điều này cho phép ta khẳng định quan hệ giữa Thủy Xá, Hỏa Xá và Campuchia hoàn toàn không phải là quan hệ của những nước thần thuộc đối với nước tôn chủ, nếu không nói đến điều ngược lại. Vả lại, trong lịch sử cũng đã xảy ra những hiện tượng tương tự, khi một nước, được coi là đế quốc lớn, hùng mạnh phải nộp cống cho những quốc gia nhỏ bé hơn. Đó là trường hợp nhà Tống ở Trung Quốc trong quan hệ với các nhà nước Tây Hạ ở phía Tây và Khiết Đan ở phía Đông (29).

Về quan hệ giữa hai nước Thủy Xá, Hỏa Xá với Đại Việt, như đã biết, vùng đất này đã có quan hệ thần thuộc đối với Việt Nam từ thời Lê. Mặc dù không được thường xuyên, mối quan hệ thần thuộc này vẫn tiếp tục và trở nên đều đặn vào thời các chúa Nguyễn và nhà Nguyễn. Điều này được các nguồn sử chính thống của Việt Nam ghi nhận.

Đại Nam thực lục tiền biên ghi nhận vào năm 1711 *"Đôn vương và Nga vương ở hai rợ man Nam Bàn và Trà Lai (giáp giới Phú Yên và Bình Định, hình như thuộc về Hỏa quốc, nhưng không lấy làm đích xác) sai sứ đến dâng sản vật địa phương và trình bày rằng dân họ không chịu đóng thuế, nên không lấy gì để cống, xin phát quân ra oai. Chúa* (30) *cho rằng ký thuộc là Kiêm Đức (không rõ họ) đã từng đi chiêu dụ hai rợ Man, quen hiểu thói Man, nên cho đem thư đến hiểu dụ những tù trưởng, cho áo sa áo đoạn và đồ đồng đồ sứ, lại lấy nghĩa kẻ trên người dưới khuyên bảo dân Man, định ra thuế lệ, khiến phải nộp cho Man trưởng. Người Man không ai không theo mệnh"* (31).

Qua những tài liệu nghiên cứu thực địa, tác giả Nguyễn Quốc Lộc khẳng định rằng Đôn Vương và Nga Vương chính là vua Thủy Xá và Hỏa Xá, mà người Jarai gọi là Pơtao Ea và Pơtao Apui (32). Điều này trùng lặp với ý kiến của M. H. Besnard, viên chủ tỉnh Đắk Lắk, trong bài viết *Les populations Moï du Darlac* (33).

Trước đó, theo Hoài Dũng, từ năm 1579, Nguyễn Hoàng, sau khi bình định được miền Đại Chiêm, Đồ Bàn (Bình Định), chiêu tập lưu dân vào khai khẩn đất Phú Yên. Người của Thủy Xá và Hỏa Xá thường xuống quấy nhiễu lưu dân. Nguyễn Hoàng cử người mang quà lên tặng cho vua Thủy Xá, Hỏa Xá và dụ về hàng. Vua Thủy Xá, Hỏa xá tiếp rước sứ rất tử tế, rồi đưa quà lâm sản nhờ sứ đem về dâng chúa Nguyễn để tỏ lòng thần phục. Từ đó cứ 5 năm một lần, sứ giả của chúa Nguyễn lại mang đồ vật lên tặng Thủy Xá, Hỏa Xá (34).

Vào thời Chúa Vũ Nguyễn Phúc Khoát (1714-1765), năm 1751, *Thực lục* ghi nhận tiếp quan hệ triều cống của Thủy Xá và Hỏa Xá đối với chính quyền chúa Nguyễn. Sách còn làm rõ hơn những mối quan hệ này từ những năm đầu của chế độ chúa Nguyễn: *"Buổi quốc sơ, vì cớ họ giáp giới với Phú Yên, cứ 5 năm một lần sai người đến các nước ấy cho quà (áo gấm, mũ, nồi*

đồng, chảo sắt và chén đĩa bằng sứ). Vua hai nước ấy nhận được vật cho, tức thì sắm sửa phẩm vật địa phương (kỳ nam, sáp ong, nhung hươu, mật gấu, voi đực) để hiến. Tới đây sai sứ sang cống. Chúa hậu tứ rồi cho về" (35).

Từ thời Gia Long, quan hệ cống nạp giữa Thủy Xá, Hỏa Xá đối với Nhà Nguyễn trở nên thường xuyên hơn và kéo dài tới năm 1885, dưới thời Hàm Nghi.

- Năm 1803, sứ thần Thủy Xá, Hỏa Xá đến Phú Yên xin dâng cống phẩm, được vua ban thưởng rồi cho về.

- Đầu đời Minh Mạng, vua Thủy Xá Ma Ất đến đồn Phước Sơn, Phú Yên xin nộp cống.

- Năm 1823, vua mới Thủy Xá Ma Mối sai sứ thần đi triều cống, nhưng không thành.

- Năm 1829, sứ thần Thủy Xá Ma Diên và Ma Xuân đem 1 cái ngà voi xin tiến cống.

- Năm 1831, sứ giả hai nước Thủy Xá, Hỏa Xá đến Phú Yên dâng cống phẩm.

- Năm 1837, vua mới Hỏa Xá Ma Liệt sai sứ sang triều cống.

- Năm 1840, nhân dịp lễ Đại khánh ngũ tuần của vua Minh Mạng, vua nước Hỏa Xá sai sứ mang lễ vật đến mừng và nộp cống.

- Năm 1841, vua Thiệu Trị chuẩn định cho hai nước Thủy Xá, Hỏa Xá cùng nộp cống vật.

- Năm 1843, sứ bộ hai nước Thủy Xá và Hỏa Xá mang lễ vật đến Phú Yên tiến cống. Tuy nhiên, do hai nước gặp nạn đói, Thiệu Trị cho phép bái vọng tại Phú Yên, xong việc cho về nước.

- Năm Thiệu Trị thứ 5 (1845), nhân Thiệu Trị sinh nhật 40 tuổi, hai nước sang dâng lễ vật mừng và nộp cống.

- Năm 1848, nước Thủy Xá gửi tặng phẩm vào nghi lễ hương thơm.

- Năm 1868, nhân lễ tứ tuần của Tự Đức, Thủy Xá và Hỏa Xá xin đến kinh đô lạy mừng. Vua lệnh cho Phú Yên nhận lễ vật và cho hai nước khỏi đến kinh làm lễ.

- Năm 1884, nước Thủy Xá và Hỏa Xá sai các sứ thần về kinh làm lễ tiến hương (36).

Theo tác giả Đỗ Bang, xét theo số lượng cống vật hai nước dâng nộp từ đời Thiệu Trị đến đời Tự Đức, Thủy Xá được xem là quan trọng hơn Hỏa Xá. Hỏa Xá nhiều lần đề nghị tăng lượng cống vật cho ngang bằng với Thủy Xá, nhằm thể hiện sự bình đẳng giữa các phiên vương và vị thế của nước mình. Nhưng triều đình Huế không chấp nhận (37).

Sau khi nhận cống vật, các vua Nguyễn thường tặng lại cho vua Thủy Xá, Hỏa Xá và các sứ thần một số quà tặng có giá trị (38).

Một trong những cử chỉ thể hiện rõ nhất quan hệ tôn chủ - thần thuộc giữa Nhà Nguyễn và Thủy Xá, Hỏa Xá là việc các vua Nguyễn ban họ, tên cho các vua Thủy Xá, Hỏa Xá và sứ bộ (39):

- Năm 1834, Minh Mạng ban cho vua Hỏa Xá họ Vĩnh tên Bảo và sứ bộ họ Vĩnh tên Tài.

- Năm 1837, Minh Mạng ban tên Vĩnh Liệt cho vua Thủy Xá và phó sứ họ Sơn tên Bút.

- Năm 1841, Thiệu Trị ban tên Cửu Lại cho vua Thủy Xá.

Năm 1875, Tự Đức ban tên Vĩnh Thuận, Vĩnh Khắc cho các vua Thủy Xá, Hỏa Xá.

- Năm 1885, Hàm Nghi ban tên Vĩnh Thừa cho vua mới của Thủy Xá. Đây cũng là lần cuối cùng chính sử Việt Nam nhắc tới Thủy Xá.

Theo tác giả Nguyễn Minh Tường và Ngô Vũ Hải Hằng, việc các vua Nguyễn ban họ *Vĩnh* cho Thủy Vương, Hỏa Vương cũng mang đầy ẩn ý (40). Chữ *Vĩnh* ở đây có thể lấy từ chữ *Vĩnh*, chữ cuối cùng trong khổ đầu bài thơ *Đế hệ thi* ("Miên Hồng Ưng

Bảo Vinh"), được vua Minh Mạng sử dụng làm tên đệm cho các thế hệ con cháu hoàng tộc. Điều này vừa nói lên sự coi trọng của các vua Nguyễn đối với Thủy Xá và Hỏa Xá, vừa chứng tỏ địa vị bề trên của vua Nguyễn.

Dường như việc Pháp xâm lược Trung Kỳ và Bắc Kỳ cũng như phong trào Cần Vương chống Pháp và sự bành trướng của Xiêm sâu sang bờ trái Mêkong vào những năm 80 thế kỷ XIX làm dứt đoạn mối quan hệ này. Điều này tạo ra một khoảng trống quyền lực tại vùng đất Tây Nguyên và làm phức tạp thêm toàn cảnh chủ quyền trên vùng đất này.

Tóm lại, quan hệ thần phục của cao nguyên Kontum - Đắk Lắk đối với Việt Nam, khởi đầu từ cuối thế kỷ XV, được khôi phục và trở nên thường xuyên dưới thời các chúa Nguyễn và nhà Nguyễn. Tuy nhiên, như đã nói, quyền tôn chủ của nhà Nguyễn đối với vùng đất Tây Nguyên tỏ ra rất hình thức, và thể hiện chủ yếu dưới hình thức triều cống định kỳ. Hơn nữa, có những bộ lạc trong vùng lúc thần phục, lúc bất thần phục Đại Nam, khiến cho bức tranh về chủ quyền trên vùng đất này càng phức tạp thêm. Hoàng Hữu Xứng, khi dâng sách "*Đại Nam quốc cương giới vựng biên*" cho vua Đồng Khánh có trần tình về việc này. *Đại Nam Thực lục* chép lời của ông: "*như Man Thạch Bích, hoặc các Man tiêu điều lán trại linh tinh, tuy hoặc chúng đôi với ta, khi theo, khi phản bất thường*". Điều này hẳn là lý do khiến có nhà nghiên cứu xếp quan hệ thần thuộc này vào hệ thống quyền lực Mandala (41), đặc trưng cho vùng Đông Nam Á.

Cũng cần lưu ý rằng, dường như người Pháp không biết, hoặc không công nhận, quan hệ thần thuộc giữa các bộ lạc Tây Nguyên với triều đình Huế. Điều này được thể hiện trước hết ở những tấm bản đồ do người châu Âu vẽ như: *Bản đồ Taberd* năm 1838, *Bản đồ chính trị Đông Dương* của Francois Deloncle năm 1889, đã giới thiệu trên, và hầu hết các tấm bản đồ cùng thời khác mà chúng tôi tiếp cận được... Trên những tấm bản đồ này, mặc dù các tác giả công nhận đường biên giới phía Tây của đế quốc Đại Nam vào giữa thế kỷ XIX tiến tới cả phía Tây sông Mêkong, nhưng khu vực cao nguyên Kontum - Đắk Lắk Việt Nam vẫn được chú là khu vực của các dân tộc bản địa (Moi) như: Đá Vách, Đá Hàn, Vị, Bà Rịa, nước Stieng (42)... Việc David Mayrena, một kẻ phiêu lưu người Pháp, được sự ủng hộ của các giáo sỹ Pháp, và chính quyền thực dân ở Đông dương, dựng nên cái gọi là "Vương quốc Sedang độc lập" (43), tồn tại vào những năm 1888 - 1889 trên vùng Tây Nguyên, đoạn từ Quảng Nam tới Bình Thuận, và một phần vùng Nam Lào, Bắc Campuchia ngày nay (xem bản đồ 3) cũng cho thấy, ít nhất là 1 năm sau khi Liên bang Đông Dương được thành lập (1887), chính quyền thực dân Pháp vẫn chưa coi vùng Tây Nguyên thuộc địa giới Việt Nam.

Bản đồ 3: Bản đồ Vương quốc Sedang

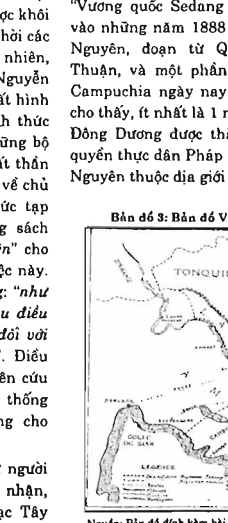

Nguồn: Bản đồ đính kèm bài viết *Người Thượng trên cao nguyên Việt Nam* của Nguyễn Văn Huy

Mặc dù vậy, người Pháp cũng không coi nơi này là lãnh thổ Campuchia. Sau chuyến thám hiểm tới vùng này vào năm 1891, Pavie nhận xét: *"Bản Đôn được dựng trên một hòn đảo giữa sông Sé bang Khan, vì vậy có thể nói đây là cổng của vùng hoang sơ này, được cách biệt với Campuchia bằng 200 km sa mạc. Nơi đây trước kia có liên lạc với các trung tâm vùng sông Mé Khong và là nơi giao lưu với các sắc tộc từ phía Đông. Vào mùa nước lên, con sông trở thành con đường thủy đi tới tận Stung Treng. Chủ quyền của Campuchia nằm xa hơn về hướng Bắc* (44). *Một con đường bộ tới dẫn tới Annam"* (45).

Giữa lúc đó, từ những vùng chiếm được của Lào và Campuchia trong nửa đầu thế kỷ XIX, Xiêm xâm nhập sâu sang bờ trái sông Mêkong chiếm tiếp một phần lãnh thổ của Campuchia, hầu như toàn bộ lãnh thổ Lào, và một số vùng đất Việt Nam ở phía Tây Trường Sơn, từ Nghệ An tới Quảng Trị (46). Năm 1888, trong thư gửi Tổng thống Pháp, vua Đồng Khánh đề nghị Pháp giúp lấy lại những vùng đất Tây Nguyên bị Xiêm chiếm. *Đại Nam Thực lục* chép:

"Các xứ Cam Môn, Cam Cát thuộc địa giới nước tôi; gần đây nhân nước Xiêm mạo nhận lấn tranh, đem quân đóng đồn, nay thượng quốc chiếu điều ước tính liệu thế nào, để nước tôi không mất giới hạn ấy. Hai khoản ấy đã bàn với quý Tổng thống tâu lên giúp, mong được giúp ngay cho... may được theo lòng mong muốn, để nước tôi được nhiều ơn huệ ban cho, không những là may cho tôi, thực là may cho thần dân cả nước tôi" (47).

Xa hơn chút nữa về hướng Nam, đầu năm 1891, trong cuộc thám hiểm nổi tiếng của Pavie, viên đại úy Pháp M. Cupet tiến hành khảo sát từ khu vực Stung Treng (Campuchia ngày nay) tới Kontum. Khoảng tháng 2-3/1891, tại khu vực gần Bản Đôn (thuộc Đắk Lắk ngày nay), Cupet đã ngăn chặn được một toán quân Xiêm dưới sự dẫn dắt của Luang Sakhone thâm nhập vào vùng này với ý định chiếm giữ vùng Bản Đôn (48).

Sự xâm nhập của Xiêm sâu sang bờ trái sông Mêkong đe dọa trực tiếp lợi ích của Pháp ở Liên bang Đông Dương, còn gọi là *Đông Dương thuộc Pháp* hoặc *Đông Pháp*, thành lập từ năm 1887 (khi đó mới gồm 3 xứ Việt Nam và Campuchia) (49). Điều này khiến Pháp phải nhanh chóng hành động, tìm cách đẩy Xiêm sang bờ phải Mêkong và thôn tính lãnh thổ Lào hiện nay. Sau một loạt những căng thẳng trong quan hệ Pháp - Xiêm, tháng 7-1893, Pháp đưa tầu chiến tới Bangkok uy hiếp Xiêm, đồng thời Pavie đưa tối hậu thư đòi Xiêm phải rút toàn bộ khỏi tả ngạn Mêkong và nộp bồi thường 3 triệu quan Pháp (50). Không nhận được trợ giúp của Anh, ngày 5-8, Xiêm buộc phải nhượng bộ. Ngày 3-10-1893, Pháp và Xiêm ký một hiệp ước, theo đó, Xiêm buộc phải từ bỏ mọi yêu sách đối với toàn bộ vùng bờ trái sông Mêkong (điều 1) (51). Tuy nhiên, phần đất thu hồi lại và vùng cao nguyên Kontum - Đắk Lắk bị chính quyền thực dân cho sáp nhập vào Lào trong quá trình tổ chức lại nước Lào. Mãi đến tháng 11-1904, toàn bộ vùng Tây Nguyên mới được chuyển về cho Việt Nam (52).

Như vậy, có thể nói, vào nửa sau thế kỷ XIX, biên giới giữa Trung Kỳ và Campuchia là rất mập mờ, không rõ ràng. Thực tế này xuất phát từ những điểm sau:

- Sự đứt đoạn trong quan hệ tôn chủ - thần phục giữa Việt Nam và các sắc tộc trong vùng, cũng như sự tuyên bố chủ quyền lịch sử chồng lấn giữa Việt Nam và

Campuchia đối với vùng Đắk Lắk, mà theo chúng tôi, quan điểm của Campuchia (Sarin Chhak) tỏ ra không có cơ sở.

- Sự không công nhận của Pháp đối với quan hệ thần thuộc giữa Tây Nguyên (Thủy Xá, Hỏa Xá) và Đại Nam, xuất phát từ khoảng trống quyền lực, được tạo ra sau khi quan hệ triều cống của vùng này đối với nhà Nguyễn bị đứt đoạn.

- Sự bành trướng sang phía Đông của Xiêm từ giữa những năm 80 thế kỷ XIX, cũng như sự chuyển giao những lãnh thổ lấy lại từ Xiêm và vùng Tây Nguyên năm 1893 cho Lào.

Sự mập mờ, không rõ ràng về vùng biên giới Việt Nam - Campuchia ở khu vực này vào nửa cuối thế kỷ XIX tạo thành một trong những cơ sở cho các yêu sách của Campuchia về biên giới trong những năm 60 thế kỷ XX.

CHÚ THÍCH

(1). Xem Nguyễn Văn Huy. *Cộng đồng người Thượng trên cao nguyên Việt Nam*, Sách điện tử.

(2). Xem *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 524.

(3). Nguyễn Thế Anh. *Le Nam Tiến dans les textes vietnamiens*, trong *Les frontières du Vietnam Histoire des frontières de la péninsule indochinoise*, (sous la direction de P. B. Lafont), Éditions L'Harmattan, Paris, 1989, p. 124.

(4), (5). *Lê Quý Đôn toàn tập*, tập 1: *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 122.

(6). *Đại Nam Nhất thống chí*, Nxb. Thuận hóa, Tập 3, 2006, tr. 74-75.

(7). Phương đình Nguyễn Văn Siêu. *Đại việt địa dư toàn biên*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội, 1997, tr. 332.

(8). *Đại Nam Thực lục*, tập II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr. 838.

(9). Sơn Bốc có thể là Sambour (hoặc Sambor), một huyện nằm bên bờ sông Mékong thuộc tỉnh Kratié, Campuchia ngày nay.

(10), (11), (28). *Đại Nam Thực lục*, tập V, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr. 708, 707-708.

(12). Leclère Adhémar. Mémoire sur une charte de fondation d'un monastère bouddhique où il est question du roi du Feu et du roi de l'Eau. Trong: *Comptes-rendus des séances de l'Académie des Inscriptions et Belles-Lettres*, 47e année, N. 4, 1903. pp. 369. trên trang web http://www.persee.fr/web/revues/home/prescript/article/crai_0065-0536_1903_num_47_4_19465

(13). Xem trên http://en wikipedia.org/wiki/File:Indochina_map_1886)pg

(14). Besnard. H. "Les populations Moi du Darlac". In: Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient. Tome 7, 1907. p. 64.

(15). Hoài Dũng, *Lịch-sử ký sự: Việc thâu phục nước Thủy-Xá và Hỏa-Xá*, Tri Tân, số 98 & 99. Tháng 6/1943, tr. 7.

(16), (17). Charin Chhak, *Các đường biên giới của Campuchia với các nước cũ trong Liên bang Đông Dương - Lào và Việt Nam (Nam Kỳ và Trung Kỳ)*, Ban Biên giới Bộ Ngoại giao, tr. 31-40, 19 và 39.

(18), (21). Xem Nguyễn Văn Huy, *Tìm hiểu cộng đồng người Chăm tại Việt Nam*, sách điện tử.

(19). Theo Po Dharma, *Les frontières du Campa (dernier état des recherches)*, trong *Les frontières du Vietnam*, đã dẫn, tr. 128 - 129.

(20). Xem Coedès Georges. *Nouvelles données sur les origines du royaume khmèr : la stèle de Vât Luong Kâu près de Vât P'hu* trong: *Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient*. Tome 48 N°1, 1956. pp. 214-215.

(22). Nguyễn Văn Huy, *Tìm hiểu cộng đồng người Chăm tại Việt Nam*, sách điện tử và D. G. E. Hall. *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 293 - 307.

(23). Theo nguyên bản tiếng Pháp.

(24). Xem H. Maspero, *étude d'histoire d'Annam La frontière de L'Annam et du Cambodge*, BEFEO, XVIII, 3. pp. 33 - 36 và Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb Khoa học, Hà Nội, 1964, tr. 199-200.

(25). Xem 6 bản đồ cư trú của người Khmers trong: Parmentier Henri. *Cartes de l'Empire khmèr d'après la situation des inscriptions datées*. dans Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient. Tome 16, 1916. pp. 69-73.

(26). Leclère Adhémar. Bài đã dẫn. pp. 371. trên http://www.persee.fr/web/revues/home/prescript/article/crai_0065-0536_1903_num_47_4_19465

(27). Leclère Adhémar. Bđd, tr. 373-374.

(29). Xem Nguyễn Hiến Lê, *Sử Trung Quốc*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2006, tr. 312-314.

(30). Tức Chúa Ninh Nguyễn Phúc Chú (1697-1738).

(31), (35). *Đại Nam Thực lục*, Ttập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr. 126, 157.

(32). Nguyễn Quốc Lộc, *Phú Yên thời các chúa Nguyễn (1611 - 1772)*, Báo Phú Yên online, ngày 21/10/2010.

(33). Besnard. H. *Les populations Moi du Darlac*. trong Bulletin de l'École française d'Extrême-Orient. Tome 7, 1907. pp. 84.

(34). Hoài Dũng, *Lịch-sử ký sự: Việc thâu phục nước Thủy-Xá và Hỏa-Xá*, Tri Tân, số 98-99. Tháng 6/1943, tr. 6-7.

(36). Các sự kiện nêu trong phần này theo *Đại Nam Thực lục* các năm tương ứng và trong *Hội điển* tập 8, Phần Nhu Viễn 1, 2, 3, tr. 418 - 500.

(37). Xem Dỗ Bang, *Phú Yên thế kỷ XIX - Cửa ngõ bang giao giữa triều đình Huế với Thủy Xá và Hỏa Xá*, Báo Phú Yên online, ngày 9/1/2011.

(38). Xem Dỗ Bang, Bài đã dẫn và *Khâm định Đại nam Hội điển sự lệ*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, Tập 8, phần Nhu viễn, tr. 418 - 500.

(39). Theo *Đại Nam Thực lục* các năm tương ứng và trong *Hội điển* tập 8, Phần Nhu Viễn 1, 2, 3, tr. 418 - 500.

(40). Nguyễn Minh Tường, Ngô Vũ Hải Hằng: *Chính sách của triều Nguyễn đối với vùng Buôn Ma Thuột - Tây Nguyên trong thế kỷ XIX*, trong *Buôn Ma Thuột lịch sử hình thành và phát triển*, Sở Văn hóa Thông tin Daklak, 2004, tr. 167-168.

(41). Centre for East-West Cultural and Economic Studies, *Mandala: from sacred origins to sovereign affairs in traditional Southeast Asia*

(42). Xem *Annam đại quốc họa đồ* (bản đồ Taberd).

(43). *Marie Ier, roi des Sédangs, 1888-1890* - trong BAVH, 1927, vol 27 pp. 308-350.

(44). Về điều này, Pavie tỏ ra đã mắc sai lầm. Như đã đề cập, từ nửa cuối thế kỷ XIV, nhà nước Lào Lan Xang đã dồn quân xâm lược Chân Lạp xuống phía Nam.

(45). Auguste Pavie, *Mission Pavie - Indo-Chine (1879-1895), Geographie et Voyage*, II. Exposé des travaux de la mission (troisième et quatrième périodes - 1889-1895), Paris, Ernest Leroux, 1906, tr. 163.

(46). Trương Như Vương - Hoàng Ngọc Sơn - Trịnh Xuân Hạnh, *Lịch sử Biên giới trên đất liền giữa Việt Nam với các nước*, Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội, 2007, tr. 215.

(47). *Đại Nam Thực lục*, tập 9, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 395.

(48). Auguste Pavie, *Mission Pavie - Indo-Chine (1879-1895), Géographie et Voyage*, II. Sđd, tr. 166 -173 và A. Monfleur, *Monographie de la Province du Darlac (1930)*, Imprimerie d'Extrême-Orient, Hà Nội, 1931, pp 8-10.

(49). Lào gia nhập Liên bang Đông Dương năm 1899.

(50). D. G. E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, sđd, tr. 998.

(51). Auguste Pavie, *Mission Pavie - Indo-Chine (1879-1895), Géographie et Voyage*, II. sđd, tr. 247.

(52). Monfleur, *Monographie de la Province du Darlac* (1930), Hà Nội, 1931, p. 14.